

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN ĐẮK SONG
TỈNH ĐẮK NÔNG**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 04/2018/HNGĐ-ST
Ngày 07/02/2018
“V/v ly hôn”.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ĐẮK SONG, TỈNH ĐẮK NÔNG

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: ông Nguyễn Xuân Triệu

Các Hội thẩm nhân dân: ông Hoàng Minh Hải và bà Hứa Thị Nhị

- *Thư ký phiên tòa:* ông Nguyễn Việt Dương – Cán bộ Tòa án nhân dân huyện Đắk Song.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đắk Song* tham gia phiên tòa: ông Nguyễn Văn Hanh – Kiểm sát viên.

Ngày 07 tháng 02 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Đắk Song xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số: 190/2017/TLST-HNGĐ ngày 13 tháng 11 năm 2017 về việc “Ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 02/2018/QĐST-HNGĐ, ngày 24 tháng 01 năm 2018 giữa các đương sự.

- **Nguyên đơn:** Anh Nguyễn Đình T. có mặt

Địa chỉ: Thôn T1, xã Đ, huyện Đ, tỉnh Đ

- **Bị đơn:** Chị Bùi Thị Th. có đơn xin vắng mặt

Địa chỉ: Thôn N, xã G, huyện G, tỉnh Q.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 13 tháng 11 năm 2017 và trong quá trình xét xử anh Nguyễn Đình T trình bày: anh và chị Bùi Thị Th có đăng ký kết hôn với nhau vào năm 2013 tại Ủy ban nhân dân xã Đ, huyện Đ, tỉnh Đ, việc đăng ký kết hôn hai bên hoàn toàn tự nguyện, không bị ép buộc. Sau khi kết hôn thì hai vợ chồng sống hạnh phúc với nhau được một thời gian ngắn thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân dẫn đến mâu thuẫn là do hai vợ chồng bất đồng quan điểm sống, tính cách không hợp nhau, hiện cả hai đã ly thân từ năm 2014 đến nay.

Anh T xác định không còn tình cảm và không thể chung sống với chị Bùi Thị Th được nữa.

Trong quá trình chung sống anh chị có 01 con chung là cháu Nguyễn Thị Vân A, sinh ngày 30/3/2013.

Nay anh T đề nghị Tòa án giải quyết như sau:

Về quan hệ hôn nhân: Anh T xin ly hôn với chị Bùi Thị Th.

Về con chung và tài sản chung: Anh T không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại các văn bản trong quá trình giải quyết vụ án bị đơn chị Bùi Thị Th trình bày: chị Th thừa nhận lời trình bày của anh Nguyễn Đình T về tình trạng hôn nhân của chị và anh T và vấn đề con chung là đúng. Do tính cách vợ chồng không hợp nên thường xảy ra mâu thuẫn, cả hai đã sống ly thân từ năm 2014 đến nay, hiện tình cảm vợ chồng không còn nên chị Th đồng ý ly hôn với anh Nguyễn Đình T.

Về con chung và tài sản chung: chị Th không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa, nguyên đơn anh Nguyễn Đình T vẫn giữ nguyên yêu cầu của mình. Bị đơn chị Bùi Thị Th có đơn xin xét xử vắng mặt.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đăk Song kiểm sát việc tuân theo pháp luật trong tố tụng dân sự và về nội dung vụ án phát biểu như sau:

Qua nghiên cứu đánh giá các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa về việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử; Thư ký Tòa án và những người tham gia tố tụng thì thấy: Thẩm phán, Hội đồng xét xử; Thư ký Tòa án đã thực hiện đúng quy định của pháp luật và việc thụ lý, giải quyết vụ án đảm bảo đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự (BLTTDS). Việc chấp hành pháp luật của những người tham gia tố tụng trong vụ án: đều chấp hành đúng theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự;

Về nội dung vụ án: Qua các chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và kết quả tranh luận tại phiên tòa đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn anh Nguyễn Đình T về việc ly hôn.

Các chứng cứ, tài liệu có trong hồ sơ vụ án: Giấy đăng ký kết hôn bản chính; 01 bản sao giấy khai sinh của cháu Nguyễn Thị Vân A; sổ hộ khẩu, giấy chứng minh nhân dân (bản chứng thực) đây là tình tiết, sự kiện các bên đương sự đã thống nhất nên không phải chứng minh.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết tranh chấp: Nguyên đơn anh Nguyễn Đình T khởi kiện chị Bùi Thị Th về tranh chấp “Ly hôn,” theo quy định tại khoản 1 Điều 28 BLTTDS. Nguyên đơn có địa chỉ tại thôn T1, xã Đ, huyện Đ, tỉnh Đ; bị đơn có địa chỉ tại thôn N, xã G, huyện G, tỉnh Q và nguyên đơn, bị đơn có văn bản thỏa thuận lựa chọn Tòa án nhân dân huyện

Đắk Song giải quyết việc ly hôn, do đó tranh chấp này thuộc thẩm quyền của Tòa án nhân dân huyện Đắk Song theo quy định tại điểm b khoản 1 Điều 39 BLTTDS.

[2] Về quan hệ hôn nhân: anh Nguyễn Đình T và chị Bùi Thị Th kết hôn trên tinh thần hoàn toàn tự nguyện và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Đ, huyện Đ, tỉnh Đ nên Hội đồng xét xử xét thấy đây là quan hệ hôn nhân hợp pháp. Trong thời gian đầu chung sống anh chị hạnh phúc, cuộc sống vợ chồng phát sinh mâu thuẫn là do bất đồng quan điểm, tính cách không hợp nhau, anh T thừa nhận có đánh đập chị Th, mâu thuẫn không giải quyết được nên vợ chồng đã sống ly thân từ năm 2014 cho đến nay. Cả hai đều xác định tình cảm vợ chồng không còn và không thể đoàn tụ được. Điều này chứng tỏ tình trạng hôn nhân đã mâu thuẫn trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Do vậy, để giải phóng cho hôn nhân không còn mục đích, Hội đồng xét xử xét thấy chấp nhận đơn xin ly hôn của anh Nguyễn Đình T.

[3] Về con chung và tài sản chung: Các đương sự không yêu cầu nên không đề cập giải quyết.

[4] Xét quan điểm của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đắk Song về nội dung vụ án có căn cứ nên cần chấp nhận.

[5] Về án phí: anh Nguyễn Đình T phải chịu toàn bộ án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

[6] Về quyền kháng cáo: Các đương sự được quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28; khoản 1 Điều 35; điểm b khoản 1 Điều 39; Điều 143; Điều 147; Điều 264; Điều 267; Điều 271 và Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự; các Điều 51, 53, 56 Luật hôn nhân và gia đình; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh Nguyễn Đình T

1. Về quan hệ hôn nhân: anh Nguyễn Đình T được ly hôn với chị Bùi Thị Th.

2. Về án phí: Án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm là 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng), anh Nguyễn Đình T phải chịu toàn bộ số tiền trên, được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm anh T đã nộp theo biên lai số 0000489 ngày 13/11/2017 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đắk Song, tỉnh Đắk Nông.

3. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Bị đơn được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày được tổng đạt bản án hợp lệ.

Nơi nhận:

- STP tỉnh Đắk Nông;
- TAND tỉnh Đắk Nông;
- VKSND huyện Đắk Song;
- Chi cục THA huyện Đắk Song;
- UBND xã Đắk Hòa;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
Thẩm phán – chủ tọa phiên tòa

(đã ký)

Nguyễn Xuân Triệu